

## Chương 6

# Đọc Báo cáo Cán cân Thanh toán

Hạch toán cán cân thanh toán là người anh em họ gần gũi với hạch toán GDP trong lĩnh vực kinh tế học vĩ mô. Thực tế, cả hai là những công cụ quan trọng trong bộ dụng cụ của các nhà kinh tế học vĩ mô. Trong khi tài khoản GDP báo cáo về sản lượng của một quốc gia và các thành phần cấu thành của nó, một báo cáo cán cân thanh toán (Balance of Payments, BOP) cung cấp thông tin về các giao dịch xuyên biên giới của một quốc gia. Cũng như trong tài khoản GDP, tất cả các số liệu xuất hiện trong báo cáo BOP đều là biến lưu lượng hay biến luồng (flows), chỉ ra giá trị xuất khẩu hay nhập khẩu, các khoản nhận hay thanh toán thu nhập, các khoản vay hay cho vay nước ngoài mới mà chúng diễn ra trong một thời kỳ cụ thể - thường là một năm. Chương này trình bày một tiếp cận cơ bản về hạch toán BOP và những chiến lược tốt nhất để đọc và diễn dịch báo cáo BOP.

### ***Báo cáo Cán cân Thanh toán Tiêu chuẩn***

Một báo cáo BOP thông thường bao gồm ít nhất các khoản mục theo dòng như sau (hay một vài biến thể của chúng):

#### *Tài khoản vãng lai (Current Account)*

- Cán cân thương mại hàng hóa và dịch vụ (Balance on trade in goods and services)
  - Cán cân thương mại hàng hóa (Balance on merchandise trade (goods))
  - Cán cân thương mại dịch vụ (Balance on trade in services)
- Thu nhập ròng (thu nhập yếu tố ròng) (Net income (net factor receipts))
- Chuyển nhượng đơn phương ròng (Net unilateral transfers)

#### *Tài khoản Vốn và Tài chính (Capital and Financial Account)*

- Tài khoản vốn ròng (Net capital account)
- Tài khoản tài chính (Net financial account)
  - Đầu tư trực tiếp nước ngoài ròng (Net foreign direct investment)
  - Các dòng đầu tư gián tiếp ròng (Net portfolio flows)
  - Các dòng vốn khác, ròng (Other capital flows, net)
  - Thay đổi dự trữ chính thức (Change in official reserves)
- Sai va sót (Sai số thống kê) (Errors and Omissions) (Statistical discrepancy)

Một vài khoản mục này yêu cầu một số giải thích. Trong tài khoản vãng lai, hàng hóa là những sản phẩm hữu hình, trải rộng từ nguyên vật liệu thô cho đến các mặt hàng chế tạo.

Dịch vụ là những sản phẩm vô hình, như là vận tải đường biển, hoạt động ngân hàng chuyên đầu tư (investment banking), hay các dịch vụ tư vấn. Các khoản nhận và thanh toán thu nhập bao gồm các khoản sinh lợi tài chính (như tiền lãi, cổ tức, và các khoản thu nhập được tái đầu tư hay các khoản tiền gửi) từ các hoạt động đầu tư xuyên biên giới và các khoản thu nhập tiền công và tiền lương từ các việc làm xuyên biên giới. Các khoản chuyển nhượng đơn phương (đôi lúc còn được gọi là “các khoản chuyển nhượng vắng lai rông”) là các giao dịch không đối ứng như là viện trợ nước ngoài hay viện trợ nhân đạo xuyên biên giới (ví dụ thông qua Hội Chữ thập Đỏ).

Trong “tài khoản vốn và tài chính”, điều đầu tiên yêu cầu giải thích là tựa đề của chính nó. Mãi cho đến tận gần đây, hầu hết các nước ghi chép tất cả các giao dịch tài chính xuyên biên giới (như trong những thay đổi mục tài sản (assets) và nguồn hay nghĩa vụ nợ (liabilities)) với tựa đề “tài khoản vốn” (capital account). Tuy nhiên, bắt đầu từ năm 1993, các viên chức Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã thay thế thuật ngữ “tài khoản vốn” bằng “tài khoản tài chính” và (làm cho vấn đề càng thêm rắc rối hơn) đã phân định một định nghĩa mới và hẹp hơn về thuật ngữ “tài khoản vốn”. Với định nghĩa mới này, mà ngày nay được chấp nhận rộng rãi trên toàn thế giới, tài khoản vốn chỉ bao gồm các khoản chuyển nhượng vốn đơn phương, như xóa nợ của một quốc gia bởi chính phủ của một quốc gia khác. Trong hầu hết các trường hợp, tài khoản vốn được định nghĩa theo cách mới là một khoản mục rất nhỏ (hầu như không đáng kể) trong cán cân thanh toán.

“Tài khoản tài chính” mới thì quan trọng hơn nhiều, vì nó bao gồm tất cả các giao dịch tài chính khác, như mua bán cổ phiếu và trái phiếu xuyên biên giới. Dù các nhà phân tích đôi lúc vẫn sử dụng thuật ngữ “tài khoản vốn” với tên cũ của nó, nhưng theo nghĩa mở rộng trong suy nghĩ (ví dụ trong việc nói về “tự do hóa tài khoản vốn”), hầu hết chính phủ các nước hiện nay sử dụng định nghĩa mới về tài khoản vốn và tài chính của IMF trong việc chuẩn bị cho các báo cáo cán cân thanh toán của họ.

Như những khoản mục được liệt kê trong tài khoản vốn, đầu tư trực tiếp (đôi lúc được gọi là đầu tư trực tiếp nước ngoài, hay FDI) liên quan đến việc mua một cổ phần vốn của một công ty – cổ phần đủ lớn (thường lớn hơn 10%) để cho phép người chủ mới có ảnh hưởng quản lý đối với công ty. Khi Daimler-Benz mua Chrysler vào năm 1998, điều này thể hiện FDI của Đức vào Hoa Kỳ. Ngược lại, đầu tư gián tiếp liên quan đến việc mua cổ phiếu, trái phiếu hay các công cụ tài chính khác xuyên biên giới (nhưng không tập trung đủ lớn để cho phép ảnh hưởng đến quản lý). Đầu tư gián tiếp đôi lúc được xem như là “tiền nóng” (hot money), vì các nhà đầu tư gián tiếp có thể thường thanh lý hay bán các tài sản nắm giữ và rút khỏi một nước khi có dấu hiệu cảnh báo nhạy cảm. “Thay đổi dự trữ chính thức” phản ánh sự tăng lên hay giảm xuống trong kho dự trữ vàng và tiền nước ngoài (ngoại tệ) của chính phủ. Cuối cùng, “sai và sót” là một loại khoản mục số dư phản ánh sai số thống kê trong việc soạn thảo dữ liệu BOP.

## **Hiểu về Nợ và Có**

Trong việc đọc báo cáo cán cân thanh toán (như báo cáo BOP của Hoa Kỳ được trình bày ở cuối chương này), điều quan trọng là nhận ra rằng mỗi một giao dịch xuyên biên giới

liên quan đến hai bút toán, ghi có (credit, +) và ghi nợ (debit, -). Trong số nhiều thứ khác, điều này có nghĩa là tất cả các khoản cân bằng âm và dương trong báo cáo BOP phải cộng lại thành zero.<sup>1</sup>

Một cách tự nhiên, biết được sự khác biệt giữa một khoản có và một khoản nợ có ý nghĩa quan trọng. Cách hữu ích để nghĩ về điều này là mỗi khoản mục *nguồn* (source) quỹ (như ngoại hối) là một khoản có (a credit), trong khi mỗi khoản mục *sử dụng* (use) quỹ là một khoản nợ (a debit).

Trong tài khoản vãng lai, xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ, các khoản nhận thu nhập (như tiền lãi, cổ tức, hay tiền công và tiền lương từ người nước ngoài), và các khoản chuyển nhượng đơn phương từ nước ngoài là những khoản ghi có bởi vì tất cả chúng có thể được xem như là *các nguồn* của ngoại hối. Ngược lại, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ, các khoản thanh toán thu nhập cho người nước ngoài, và các khoản chuyển nhượng đơn phương đến người nước ngoài là những khoản ghi nợ, vì tất cả chúng được xem như là *những sử dụng* ngoại hối.

Trong tài khoản tài chính, các quy tắc cơ bản tương tự cũng được áp dụng. Việc mua tài sản tài chính trong nước của nước ngoài cấu thành một dòng vốn vào (vay từ nước ngoài), được ghi chép như là các khoản có, vì chúng cung cấp nguồn ngoại hối. Việc mua tài sản tài chính nước ngoài của người trong nước cấu thành dòng vốn ra (cho vay ra bên ngoài), được ghi chép như là các khoản nợ vì chúng là liên quan đến sử dụng ngoại hối (xem hình 6-1).

#### Hình 6-1

#### Các khoản nợ và có trong một báo cáo cán cân thanh toán

Các khoản ghi nợ (-)	Các khoản ghi có (+)
Ví dụ:	Ví dụ:
<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Nhập khẩu</b></li> <li>• <b>Các khoản thanh toán thu nhập</b> (như lãi và cổ tức trả cho người nước ngoài)</li> <li>• <b>Chuyển nhượng đơn phương đến người nước ngoài</b> (như viện trợ nước ngoài hay viện trợ nhân đạo cung cấp đến người nước ngoài)</li> <li>• <b>Các dòng vốn ra</b> (như là một khoản gia tăng của các khoản tiền gửi nội địa ở các ngân hàng nước ngoài hay việc mua công ty, cổ phiếu, hay trái phiếu nước ngoài của người trong nước)</li> <li>• <b>Tăng dự trữ chính thức</b> (các trữ lượng vàng hay ngoại tệ của chính phủ)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Xuất khẩu</b></li> <li>• <b>Các khoản nhận thu nhập</b> (như lãi và cổ tức nhận từ đầu tư nước ngoài)</li> <li>• <b>Chuyển nhượng đơn phương từ nước ngoài</b> (như viện trợ nước ngoài hay viện trợ nhân đạo nhận được từ người nước ngoài)</li> <li>• <b>Các dòng vốn vào</b> (như là một khoản gia tăng của các khoản tiền gửi nước ngoài ở các ngân hàng trong nước hay việc mua công ty, cổ phiếu, hay trái phiếu trong nước của người nước ngoài)</li> <li>• <b>Giảm dự trữ chính thức</b> (các trữ lượng vàng hay ngoại tệ của chính phủ)</li> </ul>

<sup>1</sup> Trong thực tiễn, vì các cơ quan chính thức không thu thập tất cả các giao dịch xuyên biên giới, khoản mục “sai và sót” cần thiết để bảo đảm rằng các bộ phận khác nhau của báo cáo BOP thực sự cộng lại thành zero.

Các Quy tắc (liên quan đến các khoản ghi nợ trong BOP)	Các Quy tắc (liên quan đến các khoản ghi có trong BOP)
<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Sử dụng ngoại hối</b></li> <li>• <b>Tăng một tài sản (an asset)</b> (như là một sự gia tăng một trái quyền trong nước đối với một đơn vị nước ngoài)</li> <li>• <b>Giảm một nghĩa vụ nợ</b> (như là một sự giảm xuống về trách nhiệm trong nước đối với người nước ngoài)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Nguồn của ngoại hối</b></li> <li>• <b>Tăng một nghĩa vụ nợ (a liability)</b> (như là một sự gia tăng trách nhiệm trong nước đối với người nước ngoài)</li> <li>• <b>Giảm một tài sản</b> (như là một sự giảm xuống của một trái quyền đối với một đơn vị nước ngoài)</li> </ul>

Một cách rõ ràng hơn để phân biệt các khoản ghi có và các khoản ghi nợ trong tài khoản tài chính là suy nghĩ riêng ra cho các thuật ngữ về sự thay đổi trong tài sản (assets) và nghĩa vụ nợ (liabilities), trong đó tài sản (assets) thể hiện quyền hay trái quyền trong nước đối với người nước ngoài, và nghĩa vụ nợ (liabilities) thể hiện quyền hay trái quyền của người nước ngoài đối với các định chế và cư dân trong nước. Do vậy, một khoản tiền gửi bởi một cư dân trong nước vào một ngân hàng nước ngoài là một tài sản, trong khi một khoản tiền gửi của người nước ngoài vào một ngân hàng trong nước là một khoản nghĩa vụ nợ. *Từ quan điểm hạch toán kế toán, mỗi một sự gia tăng trong một khoản nghĩa vụ nợ (a liability) hay giảm trong một tài sản (an asset) được bút toán như là một khoản có (a credit) trong tài khoản tài chính, trong khi mỗi khoản tăng trong một tài sản (an asset) hay giảm trong một khoản nghĩa vụ nợ (a liability) được bút toán như là một khoản nợ (a debit).* Khi một người nước ngoài nắm giữ một cổ phiếu, trái phiếu, hay một tài khoản ngân hàng trong nước (ba hình thức của dòng vốn vào (capital inflow)), nó được chỉ ra như là một khoản có (a credit) trong tài khoản tài chính, vì có một sự tăng lên trong một nghĩa vụ nợ (a liability) đối với người nước ngoài. Khi một cư dân trong nước nắm giữ một cổ phiếu, trái phiếu hay một tài khoản ngân hàng nước ngoài (ba hình thức của dòng vốn ra (capital outflow)), nó được chỉ ra như một khoản nợ (a debit) trong tài khoản tài chính, vì có một sự gia tăng trong một tài sản (an asset) (một quyền hay trái quyền trong nước đối với nghĩa vụ nợ của người nước ngoài).

Để thấy được cách thức điều này vận hành như thế nào trong một giao dịch cụ thể, hãy tưởng tượng rằng một công ty của Hoa Kỳ mua 1000 điện thoại di động từ một công ty của Trung Quốc và thanh toán bằng séc được rút tại một ngân hàng của Hoa Kỳ.<sup>2</sup> Trong trường hợp này, chúng ta sẽ thấy một khoản ghi nợ (a debit (-)) trong tài khoản vãng lai của Hoa Kỳ, phản ánh khoản *nhập khẩu* điện thoại di động từ Trung Quốc; và chúng ta sẽ thấy một khoản ghi có (a credit (+)) trong tài khoản tài chính của Hoa Kỳ, thể hiện thanh toán được thực hiện cho công ty Trung Quốc bằng séc tại ngân hàng của Hoa Kỳ. Một khi tờ séc đến Trung Quốc, nó thể hiện một quyền (claim) đối với Hoa Kỳ và vì vậy là một khoản tăng lên trong *nghĩa vụ nợ trong nước (a liability) (của Hoa Kỳ) đối với người nước ngoài*. Cho đến khi người Trung Quốc sử dụng quyền này (claim) mua một số loại sản lượng của Hoa Kỳ, sự sẵn lòng của họ để giữ tấm séc (hay bất kỳ công cụ tài chính khác mà họ có thể chuyển đổi nó) chuyển thành một khoản cho vay (a loan) từ Trung Quốc đến Hoa Kỳ - một khoản cho vay mà người Trung Quốc có thể nhận lại theo ý họ trong tương lai.

<sup>2</sup> Ví dụ này được dựa vào cảm hứng của một bài tập trên lớp mà một đồng nghiệp của tôi Louis T. Wells đã phát triển.

Trong một số trường hợp, một bên của một giao dịch sẽ bị ghi chép không trung thực hay không được thu thập đầy đủ bởi các viên chức chính phủ. Dòng sai và sót phản ánh giá trị ròng của tất cả các sự chênh lệch này. Khoản mục này được tính toán đơn giản bằng cách cộng lại tất cả các dòng khác trong cán cân thanh toán và đảo dấu lại, do vậy bảo đảm rằng tất cả các dòng (bao gồm các khoản sai và sót cộng lại thành zero. Thường thì các lỗi và những khoản chênh lệch thì vô thưởng vô phạt. Tuy nhiên, trong một số ví dụ, một khoản ghi nợ hay ghi có trong mục sai và sót có nguồn gốc từ dòng sản lượng hay vốn lớn mà chúng được cố tình ẩn dấu từ các nhà chức trách, như nhập khẩu hay xuất khẩu thuốc phiện bất hợp pháp hay sự di chuyển lên lút những khối lượng lớn đôla Hoa Kỳ giữa biên giới các quốc gia. Khi một gia đình giàu có từ một nước đang phát triển mang lên hàng triệu đôla tiền mặt vào Hoa Kỳ được đóng gói trong va ly, sự chuyển nhượng vốn bí mật này sẽ được chỉ ra như một khoản ghi nợ trong khoản mục sai và sót trong báo cáo BOP của nước đang phát triển và như một khoản có trong khoản mục sai và sót trong báo cáo cán cân thanh toán của Hoa Kỳ. Trong thực tế, khi một nước gánh chịu một cuộc khủng hoảng tài chính dữ dội, người ta đôi lúc thấy những con số trong mục sai và sót âm lớn một cách bất thường trong BOP của đất nước này trong nhiều tháng trước khi dẫn đến cuộc khủng hoảng, cho thấy rằng các khoản mục “báo hiệu thông tin” này là những dòng vốn đang di chuyển một cách bí mật ra khỏi quốc gia (liên quan đến tháo chạy vốn (capital flight) trước một cuộc sụp đổ.

## ***Sức mạnh và Cạm bẫy của Hạch toán BOP***

Rõ ràng, cán cân thanh toán của một quốc gia có thể cung cấp cực kỳ nhiều điều chưa được biết trước đây. Tuy nhiên, người ta sẽ không ngạc nhiên khi khám phá ra rằng không phải mỗi báo cáo BOP được chuẩn bị theo một cách giống nhau hoàn toàn. Như là trường hợp về cơ cấu của báo cáo BOP của Hoa Kỳ trong bảng 6-1 thì khác một chút so với mẫu tổng quát được trình bày ở trang đầu tiên của chương này. Cụ thể là, tài khoản vãng lai trong báo cáo của Hoa Kỳ trước tiên được phân thành “xuất khẩu” và “nhập khẩu”, và tài khoản tài chính được chia đầu tiên thành “tài sản” (assets) và “nghĩa vụ nợ” (liabilities). Thêm nữa, dòng sai số thống kê (sai và sót) xuất hiện bên ngoài tài khoản vốn và tài chính, hơn là bên trong của tài khoản này.

Tuy nhiên, nếu bạn hiểu những điều cơ bản của hạch toán BOP, những thay đổi như vậy không nên được xem như một vấn đề lớn lao khi bạn cố tìm hiểu ý nghĩa về báo cáo cán cân thanh toán của một quốc gia. Thực vậy, tìm hiểu về một báo cáo cán cân thanh toán của một quốc gia là một nỗ lực đáng giá, vì nó là cửa sổ duy nhất về các giao dịch xuyên biên giới của một quốc gia, và rộng hơn, là quan hệ của quốc gia đó với nền kinh tế toàn cầu.

Bảng 6-1  
Cán cân thanh toán của Hoa Kỳ, 1960-2000 (tỷ đôla)

	<u>1960</u>	<u>1970</u>	<u>1980</u>	<u>1990</u>	<u>2000</u>
(1) <b>Tài khoản vãng lai</b>	<b>2,8</b>	<b>2,3</b>	<b>2,3</b>	<b>-79,0</b>	<b>-411,5</b>
(2) <b>Xuất khẩu</b>	<b>25,9</b>	<b>56,6</b>	<b>271,8</b>	<b>535,2</b>	<b>1070,1</b>
(3) Hàng hóa	19,7	42,5	224,3	387,4	772,0
(4) Dịch vụ	6,3	14,2	47,6	147,8	298,1
(5) <b>Nhập khẩu</b>	<b>-22,4</b>	<b>-54,4</b>	<b>-291,2</b>	<b>-616,1</b>	<b>-1445,4</b>
(6) Hàng hóa	-14,8	-39,9	-249,8	-498,4	1224,4
(7) Dịch vụ	-7,7	-14,5	-41,5	-117,7	-221,0
(8) Nhận thu nhập	4,6	11,7	72,6	171,7	346,9
(9) Thanh toán thu nhập	-1,2	-5,5	-42,5	-143,2	-327,3
(10) Chuyển nhượng đơn phương, ròng	-4,1	-6,2	-8,3	-26,7	-55,7
(11) <b>Tài khoản vốn và tài chính</b>	<b>-1,8</b>	<b>-2,1</b>	<b>-23,2</b>	<b>53,8</b>	<b>455,5</b>
(12) Tài khoản vốn, ròng	0	0	0	-6,6	-0,8
(13) <b>Tài sản, ròng</b>	<b>-4,1</b>	<b>-8,5</b>	<b>-85,8</b>	<b>-81,2</b>	<b>-569,8</b>
(14) Tài sản dự trữ chính thức của Hoa Kỳ, ròng	2,1	3,3	-7,0	-2,2	-0,3
(15) Tài sản chính phủ Hoa Kỳ (không dự trữ), ròng	-1,1	-1,6	-5,2	2,3	-0,9
(16) Tài sản tư nhân của Hoa Kỳ, ròng	-5,1	-10,2	-73,7	-81,4	-568,6
Trong đó:					
(17) Đầu tư trực tiếp	-2,9	-7,6	-19,2	-37,2	-159,2
(18) Chứng khoán nước ngoài	-0,7	-1,1	-3,6	-28,8	-121,9
(19) <b>Nguồn vốn (các khoản nợ), ròng</b>	<b>2,3</b>	<b>6,4</b>	<b>62,6</b>	<b>141,6</b>	<b>1026,1</b>
(20) Đối với các tổ chức chính thức nước ngoài	1,5	6,9	15,5	33,9	37,7
(21) Chứng khoán chính phủ Hoa Kỳ	0,7	9,4	11,9	30,2	30,7
(22) Các nghĩa vụ nợ khác, ròng	0,8	-0,6	47,1	107,7	988,4
Trong đó:					
(23) Đầu tư trực tiếp	0,3	1,5	16,9	48,5	321,3
(24) Chứng khoán Bộ Tài chính Hoa Kỳ	-0,4	0,1	2,6	-2,5	-76,9
(25) Các chứng khoán khác	0,3	2,2	5,5	1,6	455,3
(26) <b>Sai số thống kê</b>	<b>-1,0</b>	<b>-0,2</b>	<b>20,9</b>	<b>25,2</b>	<b>-44,1</b>

Nguồn: Dựa theo Phòng Phân tích Kinh tế

Ghi chú rằng trong một báo cáo BOP, thuật ngữ “tài sản (có)” (assets) và “nguồn vốn (nghĩa vụ nợ)” (liabilities) luôn luôn đề cập đến *những thay đổi* trong tài sản (có) và *những thay đổi* trong các nghĩa vụ nợ trong năm hay trong quý được báo cáo, chứ không phải là tổng tài sản (có) hay tổng nghĩa vụ nợ tồn cho đến năm hay quý đó. Ví dụ, trong báo cáo BOP của Hoa Kỳ ở bảng 6-1, người Mỹ nắm giữ tài sản của nước ngoài tăng lên một khoản 569,8 tỷ đôla năm 2000 (nhớ lại một khoản tăng trong mục tài sản thì được ghi như một khoản nợ (debit)), và trách nhiệm của người Mỹ đối với người nước ngoài tăng lên một khoản 1026,1 tỷ đôla (nhớ lại một khoản tăng trong khoản nghĩa vụ nợ được ghi như một khoản có (credit)). Mặc dù tổng số người Mỹ nắm giữ tài sản nước ngoài và tổng số người nước ngoài nắm giữ tài sản nước Mỹ thì lớn hơn nhiều, chúng không được ghi trong báo cáo BOP.